

Số: /GPMT-STN&MT Hà Nam, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 150/CV-HH ngày 16/5/2024 của Công ty TNHH Y tế Hưng Hùng về việc giải trình, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa quốc tế Hà Nội - Đồng Văn tại tổ dân phố Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Y tế Hưng Hùng, địa chỉ trụ sở chính tại tổ dân phố Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa quốc tế Hà Nội - Đồng Văn tại tổ dân phố Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hà Nội - Đồng Văn tại tổ dân phố Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: tổ dân phố Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0700787590 đăng ký lần đầu ngày 09/03/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 16/03/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

1.4. Mã số thuế: 0700787590.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án khoảng 4.430 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: 200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Y tế Hưng Hùng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

(Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Giấy phép môi trường số 1803/GPMT-STN&MT ngày 31/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*để b/c*);
- UBND thị xã Duy Tiên;
- Công ty TNHH Y tế Hưng Hùng (*để thực hiện*);
- TT TTDL&PTQĐ (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 5 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại khu TM3;

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại khu TM4;

1.2. Nguồn phát sinh nước thải khám chữa bệnh

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh nội khoa;

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh khoa ngoại tổng hợp;

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh nhi khoa;

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh khoa sản;

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh khoa đông y;

- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh liên chuyên khoa;

- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh khoa ung bướu;

- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh khoa y học cổ truyền;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh I3-3 thuộc địa phận phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải

Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°) như sau: X = 2283311; Y = 0592056.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ), trong đó:

- Nước thải khu nhà TM3: $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải khu nhà TM4: $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy (Nước thải sau xử lý được đầu nối ra điểm xả thải bằng đường ống nhựa PVC-D110 dài 450m).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại khu nhà TM3 được thu gom qua các bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung số 01 công suất 40 m³/ngày đêm (khu nhà TM3) để xử lý.

Nguồn số 03, 08, 09: phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh nội khoa, liên chuyên khoa và khoa ung bướu được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 01 công suất 40 m³/ngày đêm (khu nhà TM3), nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K = 1,2 dẫn về đường ống nhựa PVC D110 L=2m vào vào hố ga thu gom nước thải sau xử lý phía đường Tôn Thất Tùng.

- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại khu nhà TM4 được thu gom qua các bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung số 02 công suất 60 m³/ngày đêm (khu nhà TM4) để xử lý.

- Nguồn phát sinh nước nước thải số 04, 05, 06, 07,10 từ hoạt động khám chữa bệnh khoa ngoại tổng hợp, nhi khoa, khoa sản, khoa đông y, khoa y học cổ truyền được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 02 công suất 60 m³/ngày

đêm (khu nhà TM4) nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K = 1,2 dẫn về đường ống nhựa PVC D110 có L=6m và vào hố ga thu gom nước thải sau xử lý phía đường Tôn Thất Tùng;

Nước thải sau xử lý tại 02 trạm xử lý tập trung được thu gom bằng đường ống nhựa PVC-D110 dài 450m xả thải ra kênh I3-3 thuộc địa phận phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tại 01 điểm xả có tọa độ: X = 2283311; Y = 0592056.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải:

a. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01(khu nhà TM3)

- Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể SBR → Bể khử trùng → Hố ga thu gom nước thải sau xử lý → Xả ra môi trường tiếp nhận (*kênh I3-3 thuộc địa phận phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam*).

- Công suất thiết kế 40 m³/ngày đêm.

b. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung số 02(khu nhà TM4)

- Nước thải → Hố ga thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể ASBR → Bể khử trùng → Hố ga thu gom nước thải sau xử lý → Xả ra môi trường tiếp nhận (*kênh I3-3 thuộc địa phận phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam*).

- Công suất thiết kế 60 m³/ngày đêm.

c. Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh, Chlorine TCCA 90% viên nén (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này*).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống, rò rỉ bể xử lý, hỏng bơm và các thiết bị xử lý.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.

- Có nhật ký vận hành đầy đủ của hệ thống để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài chủ dự án sẽ thuê đơn vị có năng lực đến thu gom nước thải mang đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải số 01 (khu nhà TM3) có công suất 40 m³/ngày.đêm;

- Hệ thống xử lý nước thải số 02 (khu nhà TM4) có công suất 60 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 04 điểm.

- Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải số 01 khu TM3 công suất 40 m³/ngày.đêm.

- Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải số 02 khu TM4 công suất 60 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 5 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1 Nguồn phát sinh tại khu nhà TM3

- Nguồn số 01: Khu vực giặt đồ;
- Nguồn số 02: Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải số 01;
- Nguồn số 03: Khu vực máy biến áp;
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện;
- Nguồn số 05: Khu vực xử lý nước thải số 1;

1.2 Nguồn phát sinh tại khu nhà TM4

- Nguồn số 06: Khu vực giặt đồ;
- Nguồn số 07: Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải số 2;
- Nguồn số 08: Khu vực máy biến áp;
- Nguồn số 9: Khu vực máy phát điện;
- Nguồn số 10: Khu vực xử lý nước thải số 2;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0) như sau:

2.1. Vị trí phát sinh tại khu nhà TM3

- Nguồn số 01: X = 2283663, Y = 594662;
- Nguồn số 02: X = 2283623, Y = 594660;
- Nguồn số 03: X = 2283676, Y = 594662;
- Nguồn số 04: X = 2283673, Y = 594657;
- Nguồn số 05: X = 2283642, Y = 594654;

2.1. Vị trí phát sinh tại khu nhà TM4

- Nguồn số 06: X = 2283678, Y = 594581;
- Nguồn số 07: X = 2283635, Y = 594585;
- Nguồn số 08: X = 2283685, Y = 594578;
- Nguồn số 09: X = 2283681, Y = 594573;
- Nguồn số 10: X = 2283635, Y = 594593;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 5 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng, chủng loại chất thải chất thải nguy hại, chất thải y tế lây nhiễm phát sinh thường xuyên khoảng:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn: bông, gạc, bệnh phẩm, test máu, kim tiêm, kim truyền,...)	Rắn	13 01 01	10.500
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	50
3	Dược phẩm gây độc tế bào (Cytotoxic và Cytostatic)	Rắn/lỏng	13 01 03	50
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính	Rắn	16 01 06	50
5	Hộp chứa mực in	Rắn	08 02 04	30
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	Rắn	13 03 02	5
7	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
8	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	2.000
9	Vật liệu lọc, găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	100
10	Bao bì kim loại cứng thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	10
11	Bao bì nhựa cứng thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	20
12	Bao bì cứng bằng vật liệu khác (composite) nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 04	20
13	Phim X-quang hỏng thải bỏ	Rắn	19 12 01	23
	Tổng			12.863

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Khối lượng chất thải thông thường phát sinh khoảng 240 kg/ngày, bao gồm:

- Chất thải rắn sinh hoạt: 200kg/ngày.
- Chất thải y tế thông thường không có khả năng tái chế: 25 kg/ngày.
- Chất thải y tế thông thường có khả năng tái chế: 15 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Tại các thùng chứa

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho chất thải nguy hại khu nhà TM3: 21 m²;
- Diện tích kho chất thải nguy hại khu nhà TM4: 17 m²;
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nhà kho có kết cấu nền lát gạch hoa, tường bao xây gạch. Trong kho bố trí thùng chứa có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng để chứa riêng từng loại chất thải nguy hại, các thùng chứa CTNH đều được dán mã và nhãn cảnh báo từng loại CTNH tương ứng. Ngoài cửa kho có biển hiệu cảnh báo CTNH, kho bố trí bình phòng cháy chữa cháy, 1 thùng chứa cát và xẻng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu trung chuyển rác thải và các thùng rác dung tích 240 lít/thùng đặt tại các khu vực công cộng.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa tại khu nhà TM3: 10,89 m².
- Diện tích kho chứa tại khu nhà TM4: 02 kho có tổng diện tích 18,75 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây bằng gạch, trát vữa xi măng M75, nền lát gạch hoa.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 20/2021/TT-BYT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 5 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.